

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN DƯƠNG KINH  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/ST-HNGĐ  
Ngày 29-11-2018  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Quang Thương

Ông Bùi Đắc Tuyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành quận Dương Kinh, phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Tạ Thị Hồng B, nơi cư trú: Khu A, phường B, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Phạm Văn T; nơi cư trú: Khu A, phường B, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn chị Tạ Thị Hồng B trình bày:

Chị Tạ Thị Hồng B và anh Phạm Văn T tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Anh Dũng, huyện Kiến Thụy (nay là phường Anh Dũng, quận Dương Kinh), thành phố Hải Phòng ngày 22-9-2005. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất

đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên đi làm vắng nhà và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018, nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hôn nhân không có hạnh phúc chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quang A, sinh ngày 25-03-2006; Phạm Đức V, sinh ngày 03-4-2011; khi ly hôn chị B nhận nuôi cả hai con và yêu cầu anh T đóng góp nuôi 2 con chung mỗi tháng 4 triệu đồng.

Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị B giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn, chị B nhận nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung.

Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không cung cấp lời khai, không lên Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh T đều vắng mặt nên tòa án không tiến hành hòa giải được và anh T cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn T theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Căn cứ quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị B được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao con chung Phạm Quang A, sinh ngày 25-03-2006 và Phạm Đức V, sinh ngày 03-4-2011 cho chị B nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Tạ Thị Hồng B và anh Phạm Văn T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Anh Dũng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng ngày 22 tháng 9 năm 2005 theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Tạ Thị Hồng B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Dương Kinh giải quyết việc ly hôn, anh Phạm Văn T hiện đang cư trú tại Khu A, phường B, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, nên theo khoản 1 Điều 28,

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa khẳng định: Trong quá trình chung sống chị B và anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị B là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, anh T thường xuyên đi làm vắng nhà và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo tài liệu xác minh tại địa phương và tại gia đình anh T, chị B đều thể hiện trong thời gian chung sống, vợ chồng chị B, anh T có phát sinh mâu thuẫn, gia đình và địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Như vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quang A, sinh ngày 25-03-2006; Phạm Đức V, sinh ngày 03-4-2011; ly hôn chị B nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị B và nguyện vọng của cháu Quang A và Đức V cũng mong muốn được ở với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị B giao 02 con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị Hồng B là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Tạ Thị Hồng B và anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Hồng B được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Quang A, sinh ngày 25-03-2006; Phạm Đức V, sinh ngày 03-4-2011 cho chị Tạ Thị Hồng B nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Tạ Thị Hồng B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0014440 ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Chị B đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Tạ Thị Hồng B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Dương Kinh;
- Tòa án NDTP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- UBND P.Anh Dũng, Q.Dương Kinh, tp Hải Phòng (ĐKKH số 29/2005);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mai**

